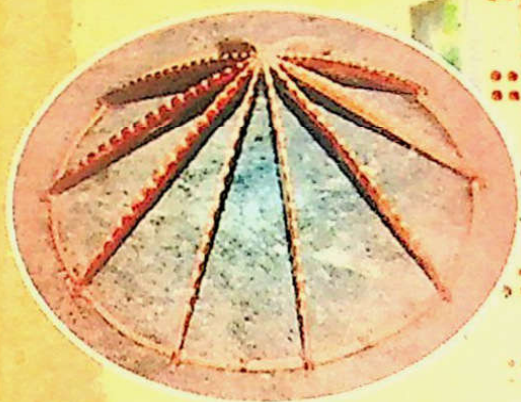


NHÀ BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

680.095 977 5

ĐC

NGH 250 TH



Nghe thủ công TRUYỀN THỐNG THÀNH PHÚ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

***NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG
Ở THANH PHÚ (Huyện Vĩnh Cửu)***

680.0359785
T/G 11 250721

NHÀ BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

**Nghề thủ công truyền thống
ở Thạnh Phú
(huyện Vĩnh Cửu)**

**THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

-2011-

2016/ĐC/VV

01142

- **Chỉ đạo biên soạn**

Th.s Trần Quang Toại

- **Biên soạn nội dung**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Lê Xuân Hậu

Trần Minh Trí

Nguyễn Trần Kiệt

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn ba trăm năm trước, tỉnh Biên Hòa – Đồng Nai hình thành. Ngoài cư dân bản địa, vùng đất mới còn đón nhận nhiều người Hoa, người Việt từ miền Ngũ Quảng⁽¹⁾ vào khai khẩn, lập làng xây dựng cuộc sống mới.

Song hành cùng với nghề trồng lúa nước, nhiều ngành nghề thủ công đã hình thành phát triển trên vùng đất này. Ban đầu, những người nông dân làm nghề thủ công trong lúc nông nhàn để làm ra các sản phẩm phục vụ thiết thực cho cuộc sống sinh hoạt của mình và gia đình; sau quy tụ, mở rộng ngành nghề mang tính chất phường hội, thành xóm nghề, làng nghề mang tính chất phân công xã hội, trở thành một trong những nguồn thu nhập quan trọng của họ trong cuộc sống.

Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu hình thành khá sớm, hiện còn bảo tồn được 20 ngôi nhà cổ, 16 công

¹ Tức Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên – Huế)

trình kiến trúc lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian (trong đó có 2 ngôi đình, 11 ngôi miếu, 2 ngôi chùa và 1 ngôi thánh thất), đó là những di sản văn hóa vật thể phản ánh khá đậm nét quá trình dựng làng lập ấp, xây dựng và phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cư dân trên vùng đất này. Trong tiến trình phát triển đó, nhiều ngành nghề thủ công ở địa phương đã hình thành. Đặc biệt, Thanh Phú từ lâu đã nổi tiếng với các nghề thủ công truyền thống, mang tính cha truyền con nối như đúc gang, nấu đường, trồng thuốc lá, tráng bánh, làm bún, rèn nông cụ... và đây là nơi tập trung nhiều nghề thủ công truyền thống nhất trong vùng.

Thanh Phú ngày nay đang trong tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Theo đó, cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân cư địa phương đang trong quá trình chuyển hóa. Điều này có tác động và ảnh hưởng đến việc mai một một số ngành nghề thủ công truyền thống ở địa phương. Hơn nữa, việc chậm đổi mới các thiết bị phương tiện sản xuất và cơ chế hỗ trợ của các cơ quan ban ngành, cũng là một trong những yếu tố khiến cho các ngành thủ công truyền thống khó phát triển và khả năng thất truyền là điều không tránh khỏi.

Nghề thủ công truyền thống là một trong những di sản văn hóa của dân tộc, phản ánh sự tài hoa, khéo léo, tính tận tụy và sáng tạo của nhân dân; một tài sản quý

báu cần được bảo lưu và phát triển, góp phần phát triển kinh tế và văn hóa du lịch ở địa phương.

Trên cơ sở đó, Nhà Bảo tàng Đồng Nai đã nghiên cứu biên soạn quyển “Nghề thủ công truyền thống ở xã Thanh Phú” nằm trong tổng thể kế hoạch điều tra văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với ba nghề thủ công chính gồm: nghề đúc gang, nghề chằm nón lá và nghề tráng bánh nhằm góp một phần nhỏ vào việc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

Xin trân trọng giới thiệu và rất mong được đón nhận nhiều ý kiến của bạn đọc gần xa.

Th.s Trần Quang Toại

Chương I

VÀI NÉT TỔNG QUAN VỀ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

1. Vài nét khái quát

Lịch sử nông thôn Việt Nam gắn liền với các thôn làng và các làng nghề. Chúng là đặc điểm đặc trưng trong truyền thống kinh tế văn hóa của xã hội Việt Nam. Nghề thủ công truyền thống bao gồm những ngành nghề phi nông nghiệp hoặc bán nông nghiệp có từ lâu đời còn tồn tại cho đến ngày nay. Nghề truyền thống còn bao hàm cả những ngành nghề đã được cải tiến hoặc sử dụng những loại máy móc hiện đại để hỗ trợ sản xuất nhưng phải tuân thủ công nghệ truyền thống, thể hiện được những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam.

Ngành nghề truyền thống ở nước ta rất phong phú và đa dạng, nhiều ngành nghề đã tồn tại hàng ngàn năm nay, nhiều mặt hàng truyền thống đã nổi tiếng khắp thế giới từ lâu đời. Nhiều ý kiến hiện nay đã thống nhất phân chia các ngành nghề thủ công truyền thống thành các nhóm chính là:

- Các ngành nghề sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ (chạm khắc đá, gốm sứ mỹ nghệ, dệt tơ tằm, sơn mài...).

- Các ngành nghề sản xuất công cụ sản xuất (rèn, làm cày bừa, nông cụ, đóng thuyền...).

- Các ngành nghề sản xuất các mặt hàng phục vụ tiêu dùng thông thường (dệt chiếu, làm nón, đan màn, đan rổ rá...).

- Các ngành nghề phục vụ cho sản xuất và đời sống (đúc đồng, đúc gang, hàn, mộc, sản xuất vật liệu xây dựng...).

- Các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát, làm bún, làm bánh, nấu rượu, nấu đường...).

Sự xuất hiện các ngành nghề thủ công ở các làng quê lúc đầu chỉ là ngành nghề phụ trong các gia đình tiểu nông, chủ yếu được tiến hành trong những lúc “nông nhàn”. Trong quá trình phát triển của nền kinh tế qua các giai đoạn lịch sử, không ít ngành nghề thủ công tách

dần khỏi nông nghiệp nhưng lại phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp và khi đó một số thợ thủ công không còn làm nông nghiệp nữa, song họ vẫn gắn chặt với làng quê. Số lượng người làm nghề thủ công ngày càng tăng lên, tách rời hẳn nông nghiệp và sinh sống bằng chính nguồn thu nhập từ nghề đó. Tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp thợ thủ công vừa làm nghề truyền thống, vừa sản xuất nông nghiệp và đều là những nguồn thu nhập đáng kể trong cuộc sống. Ở đây, các làng nghề truyền thống vừa lấy nghề nông làm gốc, thủ công chỉ là nghề phụ nhưng lại chiếm phần đáng kể trong tỷ trọng thu nhập của gia đình người lao động và giải quyết được nhiều vấn đề xã hội bức xúc ở nông thôn. Chính điều này đã thể hiện tính độc đáo, đa dạng, mang nhiều nét đặc trưng của nghề thủ công truyền thống Việt Nam trước kia cũng như giai đoạn hiện nay.

2. Đặc điểm của các làng nghề thủ công truyền thống

Đặc điểm nổi bật nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của nghề thủ công truyền thống là tồn tại ở nông thôn, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp. Các làng nghề xuất hiện và tồn tại trong từng làng, xã ở nông thôn. Các ngành nghề thủ công truyền thống tách dần khỏi nông nghiệp nhưng không rời khỏi nông thôn. Sản xuất nông nghiệp và sản xuất kinh doanh thủ công

ng nghiệp trong các làng nghề đan xen lẫn nhau. Người thợ thủ công trước hết và đồng thời là người nông dân. Các gia đình nông dân vừa làm ruộng vừa làm thủ công nghiệp. Sự ra đời của các làng nghề đầu tiên là do nhu cầu giải quyết lao động phụ, lao động dư thừa nhàn rỗi giữa các mùa vụ và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của từng hộ gia đình và của từng làng, xã. Trong các làng nghề, người nông dân tự sản xuất, tự sửa chữa nhằm đáp ứng phần lớn nhu cầu ít ỏi về hàng tiêu dùng của mình. Về sau, khi xuất hiện những hộ chuyên làm các ngành nghề thủ công nghiệp thì sản phẩm của họ chủ yếu cũng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và nhu cầu tiêu dùng của người nông dân. Mặt khác, trong các làng nghề đại bộ phận các hộ chuyên làm nghề thủ công nghiệp vẫn còn tham gia sản xuất nông nghiệp ở mức độ nhất định và đặc biệt là hầu hết các hộ đều giữ đất nông nghiệp để tự mình trồng trọt hoặc thuê mướn người làm nông nghiệp cho mình. Hầu hết các làng nghề vẫn còn một bộ phận ruộng đất và kinh tế nông nghiệp, đó là đặc trưng phổ biến của các làng nghề truyền thống.

Về mặt công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm trong các làng nghề truyền thống thường rất thô sơ, lạc hậu, sử dụng kỹ thuật thủ công là chủ yếu. Công cụ lao động đa số là công cụ thủ công, công nghệ sản xuất mang tính đơn chiếc. Nhiều loại sản phẩm phải dựa vào

đôi tay khéo léo của người thợ. Có một số nghề chỉ cần công cụ thủ công, thô sơ mà chính bản thân người thợ trong các làng nghề có thể tự sản xuất ra được. Mặc dù hiện nay đã có sự cơ khí hóa và điện khí hóa từng bước trong công nghệ – kỹ thuật sản xuất ở các làng nghề, song cho đến nay chỉ có một số nghề có khả năng cơ giới hóa được một số công đoạn trong sản xuất sản phẩm.

Đại bộ phận nguyên vật liệu của các làng nghề thường là tại chỗ. Phần đông lao động là lao động thủ công, nhờ vào kỹ thuật khéo léo tinh xảo của đôi bàn tay, vào đầu óc thẩm mỹ và đầy tính sáng tạo của người thợ, của các nghệ nhân. Phương pháp dạy nghề chủ yếu được thực hiện theo phương pháp truyền nghề. Hầu hết các làng nghề truyền thống dù hình thành bằng con đường nào đi chăng nữa thì đều phải có các nghệ nhân làm nòng cốt và là người thầy hướng dẫn để phát triển các làng nghề. Vai trò của các nghệ nhân là rất quan trọng. Đa phần các nghề thủ công truyền thống đều có tổ nghề, đây là người thầy đầu tiên dạy nghề, truyền nghề, đem bí quyết nghề nghiệp ở nơi khác về truyền cho làng mình.

Sản phẩm của làng nghề truyền thống mang tính đơn chiếc, có tính mỹ thuật cao, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị thẩm mỹ cao. Các sản phẩm đều là sự kết giao giữa phương

pháp thủ công tinh xảo với sự sáng tạo nghệ thuật. Các hàng thủ công truyền thống thường mang tính cá biệt và có sắc thái riêng của mỗi một làng nghề. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề hầu hết mang tính địa phương tại chỗ, nhỏ hẹp. Hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề chủ yếu ở quy mô hộ gia đình (gần đây một số đã có sự phát triển thành tổ chức hợp tác xã và doanh nghiệp tư nhân).

3. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của làng nghề thủ công truyền thống

Sở dĩ các làng nghề truyền thống có sức sống mạnh mẽ và trường tồn cùng lịch sử dân tộc bởi chúng được bảo đảm bởi các nhân tố sau:

– Do nhu cầu của người tiêu dùng trên thị trường đối với hàng thủ công truyền thống. Nhu cầu ấy rất lớn và hết sức đa dạng, thời nào cũng có, không bao giờ chấm dứt. Nhìn chung đó là nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, nhu cầu thờ cúng, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian... đã từng tồn tại, phát triển suốt tiến trình lịch sử văn hóa dân tộc mấy nghìn năm. Xưa kia chưa có máy móc cơ khí, đương nhiên mọi loại hàng tiêu dùng, từ đồ gia dụng, trang trí, công cụ sản xuất cho đến đồ thờ cúng, kể cả vũ khí và nhạc cụ... đều được làm bằng tay và phương tiện sản xuất khá thô sơ nhưng kỹ thuật và

kinh nghiệm truyền thống thì vô cùng phong phú. Sản phẩm thủ công lúc đó là mọi vật phẩm được sử dụng trong xã hội. Những năm đầu thế kỷ XX nền công nghiệp cơ khí bắt đầu phát triển ở Việt Nam. Một số nghề thủ công đã sử dụng máy móc trong một số công đoạn sản xuất, chuyển thành các ngành nghề bán thủ công... Nhưng nghề thủ công truyền thống thuần túy công nghệ cổ truyền vẫn phát triển. Nhu cầu về các loại mặt hàng thủ công truyền thống của nhân dân, nhất là yêu cầu xuất khẩu lúc đó lại tăng lên hơn trước. Các nước phương Tây rất ưa chuộng đồ thủ công của người Việt Nam, nhu cầu ấy ngày càng lớn đã tạo điều kiện cho chính sách chấn hưng nghề thủ công truyền thống. Như vậy, có nhu cầu về hàng thủ công tất nhiên phải có sản xuất hàng thủ công truyền thống. Sản phẩm chất lượng cao, hoàn mỹ sẽ được người tiêu dùng mến mộ, tín nhiệm. Nhu cầu càng lớn, càng bền vững thì việc sản xuất ở các làng nghề thủ công ổn định, phát triển lâu dài.

– Do trình độ nghệ nhân và đội ngũ thợ lành nghề có vai trò đối với làng nghề và làng nghề thủ công truyền thống là rất lớn. Không có nghệ nhân thì không có làng nghề, hay ít nhất cũng không có làng nghề lừng danh. Chính tài năng của các nghệ nhân, với đôi “bàn tay vàng” của họ đã tạo nên những sản phẩm quý giá,

trình xảo và độc đáo. Những sản phẩm văn hóa sống mãi với thời gian, góp phần làm vẻ vang cho dân tộc và mỗi làng nghề. Chính nghệ nhân, thợ cả đã giữ cho làng nghề tồn tại, đã đào tạo ra những nhóm thợ, mà trước hết là con cháu của họ, những người trong gia đình, dòng tộc rồi đến con em trong làng thuộc các dòng họ khác, kiên trì truyền dạy nghề, hết ngày này qua ngày khác, hết năm này qua năm khác theo phương pháp “cầm tay chỉ việc”, “vừa làm vừa học”, các nghệ nhân đã tạo ra một đội ngũ thợ lành nghề ngay tại làng xóm của mình. Cứ như thế những thế hệ thợ thủ công kế tiếp, đan xen nhau, lớp này đến lớp khác, đời sau nối tiếp đời trước. Do đặc trưng sản xuất thủ công, cả gia đình từ ông bà, anh em, con cháu đều cùng làm nghề, mỗi người mỗi việc, cho nên cùng một lúc ở làng nghề thường có vài ba thế hệ thợ thủ công cùng sản xuất, kinh doanh. Khi một làng nghề bị suy thoái, những tinh hoa văn hóa nghề ở đó có nguy cơ mất đi, thì chính nghệ nhân có vai trò tích cực nhất trong nhiệm vụ bảo tồn làng nghề. Nếu chưa đẩy lên được thì họ cũng giữ lại được cái làng nghề ấy.

– Do kỹ thuật truyền thống và kinh nghiệm lâu đời ở các làng nghề thủ công truyền thống. Về kỹ thuật, hầu hết các làng nghề đều sử dụng kỹ thuật truyền thống, lâu đời của Việt Nam trong sản xuất. Mỗi nghề đều có kỹ thuật sản xuất riêng, kỹ thuật ấy bao gồm nhiều công

đoạn từ khâu khai thác chế biến nguyên liệu đến khâu cuối cùng là hoàn thiện sản phẩm để bán ra thị trường cho người tiêu dùng. Trong đó, còn bao hàm cả thủ pháp nghệ thuật. Tuy các làng nghề đều sử dụng kỹ thuật chung nếu cùng làm một nghề nhưng từng công đoạn kỹ thuật thì mỗi nơi mỗi khác. Làng nghề nào cũng biết cách ứng dụng kỹ thuật chung ấy theo cách riêng của mình. Riêng thủ pháp nghệ thuật người ta còn tiến hành đa dạng hơn nữa, bởi mỗi nghề nhân đều có thủ pháp nghệ thuật theo trình độ sáng tạo và kinh nghiệm của riêng mình.

– Do vị trí địa lý, môi trường của làng nghề. Đây là yếu tố rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định tới sự hình thành và đảm bảo sự tồn tại, phát triển lâu dài đối với bất kỳ làng nghề thủ công truyền thống nào. Các làng nghề thường ở vị trí thuận lợi về giao thông thủy, bộ và gần nguồn nguyên liệu là những điều kiện, cơ sở căn bản hết sức thuận lợi trong diễn trình hoạt động sản xuất cũng như mở rộng, khuếch trương làng nghề sang các vùng phụ cận.

Để quyết định sự phát triển mạnh và lâu dài các làng nghề thủ công truyền thống thường phải có 4 yếu tố chính trên, hay ít nhất cũng phải “hội” đủ các yếu tố ấy. Bởi nghề thủ công, làng nghề thủ công là nơi sản xuất



hàng hóa và sáng tạo nghệ thuật. Hàng thủ công không chỉ tiện dụng mà còn phải đẹp.

4. Những biến đổi của làng nghề truyền thống

4.1. Sự bình ổn của làng nghề

Thủ công mỹ nghệ Việt Nam vốn có truyền thống quý báu từ rất lâu đời. Truyền thống đó gắn liền với tên của những làng nghề và được thể hiện thành những nét độc đáo, đặc sắc riêng của sản phẩm đến mức tên của sản phẩm luôn kèm theo tên của làng nghề làm ra nó. Do ra đời và phát triển trong xã hội của những làng nông nghiệp, các nghề thủ công cũng được hình thành và phát triển theo làng và trở thành các làng nghề. Có những làng nghề được hình thành do học được nghề ở nơi khác đem về. Cũng có những làng tự tìm tòi và phát triển dần mới thành nghề, có những làng dựa vào ưu thế về nguyên liệu, về địa thế gần chợ, gần sông, cũng có làng chỉ có tay nghề... Lúc đầu tiên chỉ có một vài gia đình làm nghề, sau mới lan ra khắp làng. Cách tổ chức của xã hội nông thôn thuở xưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền nghề ra khắp làng, đồng thời cũng ngăn trở không cho nghề lọt ra ngoài làng. Sự tồn tại và phát triển của làng nghề gắn liền với sản xuất nhỏ tại gia đình và với những mặt hàng truyền thống riêng, nơi khác không thể bắt chước. Từng gia đình làm nghề với

sự điều khiển của người nghệ nhân, cũng chính là chủ gia đình. Những nhà không có thợ giỏi thường gửi con đến làm cho chú, bác trong họ. Con cháu trong nhà học nghề và phụ việc ngay từ nhỏ. Nguyên liệu chủ yếu khai thác ở địa phương hoặc do lái buôn đưa từ một vùng cố định nào đó chuyển về. Công cụ sản xuất giản đơn, dễ tự làm lấy. Kỹ thuật sản xuất thuần túy thủ công. Sản phẩm làm ra đem bán ngay tại các phiên chợ trong làng hay tại chợ của các làng lân cận. Một số ít gia đình thợ giỏi có người đến đặt hàng tại nhà hoặc đón đi làm thuê trong một thời gian. Vốn ít, sản phẩm sản xuất ra không nhiều, thị trường địa phương hoàn toàn phù hợp.

Xã hội phong kiến phát triển rất chậm chạp, đời sống vật chất và văn hóa từ đời này sang đời khác không mấy thay đổi. Suốt hàng ngàn năm, nhu cầu tiêu dùng của xã hội vẫn là vải vuông, lụa tơ tằm, nón lá, nồi đất, thúng mủng, tre đan... Cả đến hình dáng về trang trí trên sản phẩm cũng ít thay đổi. Sự ổn định của các điều kiện kinh tế, kỹ thuật và văn hóa xã hội tạo nên sự ổn định của thị trường là yếu tố quan trọng nhất cho sự phát triển bình yên của các làng nghề, ngày càng củng cố thế ổn định vững chắc cho mình trong sự phát triển chiều sâu nghề nghiệp. Những người thợ yên tâm với nghề. Khi sẵn tiền họ tích trữ nguyên liệu. Hàng chưa bán được trong phiên chợ này thì chờ phiên chợ khác và

vẫn tiếp tục làm thêm. Con cái theo nghề cha một cách tự nhiên, hầu như không phải đắn đo lựa chọn. Nhiều thợ giỏi trở nên giàu có.

Hoạt động nghề nghiệp được ổn định từ đời này sang đời khác đã tạo nên truyền thống đặc sắc riêng cho từng làng nghề. Những người thợ giỏi trong làng tích lũy dần các kinh nghiệm dùng nguyên liệu, kỹ xảo sử dụng công cụ, chọn lọc hình dáng, kết cấu và những họa tiết trang trí chuẩn mực cho sản phẩm, khiến cho sản phẩm của họ trở nên tốt nhất, đẹp nhất, hợp lý nhất. Hình thức và chất lượng ổn định của sản phẩm truyền từ đời này sang đời nọ, truyền thống hình thành và tên của sản phẩm được gắn liền với tên của làng nghề. Sản phẩm truyền thống được mọi người quen thuộc và tin cậy đã giúp cho làng nghề bán hàng chắc hơn.

Sự ổn định của làng nghề là điều kiện tạo ra truyền thống và truyền thống lại giúp cho làng nghề ổn định, từ đó truyền thống lại có điều kiện phát triển hơn.

4.2. Những biến động của làng nghề trong thời gian qua

Ngay từ thời Pháp thuộc, các làng nghề đã bắt đầu biến động trước sự du nhập hàng tiêu dùng từ nước ngoài vào. Với sự hấp dẫn mới lạ, nhiều người chuyển qua dùng hàng ngoại, một số hàng tiêu dùng của làng nghề trở

nên thừa, ế. Cùng với sự phát triển của ngoại thương hàng tiêu dùng nước ngoài nhập vào ngày càng nhiều hơn với đầy đủ ưu thế về độ bền, sự tiện dụng, vẻ đẹp, sự mới lạ... đã lấn át khá nhiều mặt hàng tiêu dùng truyền thống. Công nghiệp trong nước bắt đầu được xây dựng và phát triển đã cung cấp cho thị trường hàng loạt sản phẩm hoàn toàn mới lạ, thành quả của khoa học kỹ thuật hiện đại, đồng thời với con mắt kỹ thuật tiên tiến, công nghiệp nhanh chóng phát hiện ra những nhược điểm của sản phẩm thủ công và sản xuất ngay những sản phẩm tương tự với chất lượng tốt hơn, tiện dụng hơn để tung ra thị trường. Các mặt hàng thủ công truyền thống không cạnh tranh nổi cứ vắng bóng dần.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và văn hóa xã hội đã tạo nên những thay đổi lớn trong đời sống xã hội, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thị trường nảy nở thêm nhiều nhu cầu mới, đòi hỏi có thêm nhiều hàng tiêu dùng mới mà phần lớn do công nghiệp sản xuất ra, thậm chí phải nhập ngoại. Nhiều sản phẩm truyền thống xưa kia được ưa chuộng, thịnh hành thì ngày nay ít có người dùng hoặc thậm chí không ai dùng nữa. Tỷ lệ chi tiêu của người dân dành cho hàng thủ công ngày một ít dần. Đời sống văn hóa được nâng cao hơn, người tiêu dùng đòi hỏi ở hàng thủ công phải luôn thay đổi mặt hàng mới với

chất lượng thẩm mỹ cao hơn, phong phú hơn. Điều đó các làng nghề truyền thống với lối sản xuất thủ công và thói quen lâu đời khó lòng đáp ứng nổi.

Nhiều làng nghề truyền thống mà trước hết là các làng làm hàng tiêu dùng không cạnh tranh nổi với công nghiệp, với hàng ngoại trong việc đáp ứng những nhu cầu luôn luôn đổi mới của thị trường đã buộc phải thay đổi mặt hàng, thậm chí chuyển sang làm nghề khác.

Nông thôn mới ngày nay cũng có nhiều thay đổi, người nông dân cũng như người thợ thủ công không còn bị ràng buộc, bao bọc trong lũy tre làng nữa. Đời sống văn hóa ở nông thôn cũng được nâng cao. Lớp thanh niên mới có kiến thức văn hóa, lớn lên không phải chỉ biết có nghề của cha ông, họ được mở rộng khả năng lựa chọn nghề nghiệp, có thể thi vào các trường đại học hoặc làm công nhân công nghiệp. Thành thị phát triển, công nghiệp được mở mang, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh mới với thu nhập cao hơn đã thu hút thanh niên nông thôn vào làm việc. Việc đi lại và cư trú tự do cũng tạo điều kiện cho những thợ giỏi bỏ quê hương đi tìm nơi lập nghiệp để có thể sống tốt hơn. Từng cụm thợ di chuyển dần đến những địa bàn thuận lợi hơn hình thành khu vực mới của làng nghề. Nhu cầu cuộc sống mới ở ngay các làng nghề cũng có nhiều thay đổi. Nhiều người

dem thêm nghề mới về làng, có nơi những nghề mới này còn phát triển hơn cả nghề truyền thống.

Xuất khẩu ngày càng mở rộng cũng tác động rất mạnh đến làng nghề, nhất là các làng nghề mỹ nghệ. Ở một số làng nghề, có những nghệ nhân tài giỏi đã cố giữ lấy lối sản xuất gia đình, giữ lấy các kỹ thuật cổ truyền và các mặt hàng truyền thống. Họ đã từng bị nhiều khó khăn trước đây. Đến nay, khi thị trường tự do hơn, họ trở thành hạt nhân gây dựng lại làng nghề truyền thống và là nguồn cung cấp chính các mặt hàng có chất lượng cao.

Lịch sử hình thành và phát triển của các làng nghề thủ công truyền thống đã trải qua nhiều bước thăng trầm. Có nhiều làng nghề đã tồn tại và phát triển khá mạnh, đồng thời còn mở rộng, lan tỏa sang các khu vực lân cận, tạo nên một cụm các làng nghề, dần hình thành sự phân công, chuyên môn hóa nhất định. Ngược lại có những làng nghề phát triển cầm chừng, không ổn định, gặp nhiều khó khăn. Thậm chí có những làng nghề đã và đang bị mai một, suy vong dần và có khả năng bị mất đi. Sự phát triển và chuyển hóa của các làng nghề thủ công truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa đang diễn ra hết sức phức tạp và đa dạng. Hiện đại hóa công nghệ truyền thống và “truyền thống hóa” công nghệ hiện đại là nội dung của chiến lược công nghiệp hóa ở nước ta.

Các làng nghề sẽ là cầu nối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông thôn và thành thị, giữa truyền thống và hiện đại, là nấc thang phát triển quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa nông thôn. Chúng đã góp phần đáng kể đối với sự phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quan trọng hơn là đối với vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và đời sống cho người lao động ở các địa phương.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở VÙNG ĐẤT NAM BỘ

1. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ

Từ thế kỷ XVII, trên vùng đất Đồng Nai – Gia Định bắt đầu xuất hiện các lớp cư dân mới, trong đó cư dân Việt là thành phần chiếm đa số. Họ là những nông dân, thợ thủ công nghèo khổ, những người trốn tránh binh dịch, sưu thuế, các thầy lang, thầy đồ nghèo hoặc những tù nhân bị lưu đày, những binh lính đào ngũ... ở Đàng ngoài phiêu bạt về phương Nam tìm đất sống. Bên cạnh người Việt, còn có người Hoa từ Quảng Đông, Phúc Kiến (Trung Quốc) phần lớn là di thần nhà Minh đến xin tị nạn và lập nghiệp. Các dân tộc bản địa sinh sống ở đây từ trước như Khơme, Châu Mạ, S'tiêng... Quá trình khai

phá Nam Bộ vì thế đồng thời cũng là quá trình cộng cư và giao lưu văn hóa giữa nhiều thành phần dân cư, dân tộc với nguồn gốc địa phương, phong tục, tập quán, tín ngưỡng có nhiều khác biệt, làm nên tính đa dạng, phong phú của Nam Bộ. Đó là sắc thái độc đáo có ở Nam Bộ mà không vùng nào trong nước có được.

Trong hành trang đem đến vùng đất mới, mỗi dân tộc đều mang theo bên mình truyền thống lao động sản xuất lâu đời của quê hương, làng xóm cũ. Trong hoàn cảnh mới với những điều kiện sinh thái và môi trường xã hội mới, nhất là trải qua quá trình giao lưu văn hóa với các dân tộc khác, truyền thống sản xuất của mỗi dân tộc không chỉ được kế tục mà còn được biến đổi, cách tân cho phù hợp với cuộc sống mới giờ đã vô cùng khác xưa. Trong các ngành nghề thủ công, chủ thể của quá trình nối tiếp và phát triển truyền thống đó không ai khác hơn là những người thợ thủ công phiêu tán trong các đoàn lưu dân đi khai phá hoặc lần lượt về sau có các đoàn du thợ di chuyển dần về phương Nam. Có thể kể ra rất nhiều nghề thủ công ở Nam Bộ mà những người truyền nghề đầu tiên là những người thợ thủ công có gốc gác từ Đàng ngoài như nghề dệt, nhuộm, đúc đồng, chạm trổ gỗ, đóng ghe thuyền...

Trên cơ sở nông nghiệp và thủ công nghiệp đã khá phát triển và sớm mang tính chất sản xuất hàng hóa,

việc mua bán trao đổi hàng hóa giữa Nam Bộ và các vùng khác, cả thị trường nước ngoài sớm được mở rộng. Đến thế kỷ XVIII ở Nam Bộ đã xuất hiện nhiều thị tứ, tụ điểm buôn bán sầm uất. Một số nhanh chóng trở thành những trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế nổi tiếng như thương cảng Cù Lao Phố, thương cảng Hà Tiên... Sự tiếp xúc và giao lưu kinh tế với các thương nhân, các thuyền buôn nước ngoài đồng thời cũng là sự giao lưu văn hóa, văn minh với thế giới bên ngoài. Và như thế tiếp sau quá trình mở đất, kéo dài bờ cõi về phía Nam là quá trình mở cửa, giao lưu và tiếp nhận nhiều nền văn hóa, văn minh để bổ sung làm giàu thêm vốn văn hóa truyền thống.

Những nhân tố trên lý giải vì sao có sự kiện chỉ khoảng hơn thế kỷ từ lúc có người Việt đặt chân lên đất Nam Bộ; vào cuối thế kỷ XVIII, các Chúa Nguyễn đã đặt ở Gia Định 62 ty, cuộc, tượng chuyên chế tạo các loại vật phẩm và cho thu thuế hàng “trừu” (là một loại lụa) và một số hộ thủ công khác nữa. Đây là một chỉ báo cho thấy thủ công nghiệp ở đây đã phát triển khá mạnh mẽ và số thợ thủ công chắc hẳn chiếm tỷ lệ đáng kể, vào cuối thế kỷ XVIII đầu XIX theo *Gia Định Thành Thông Chí*, vùng đất Nam Bộ đã có nhiều ngành nghề thủ công như: dệt, nhuộm, làm gạch ngói, nung vôi, làm giấy, đúc đồng, đóng ghe thuyền, làm mộc, chạm, sơn, làm đồ

trang sức, làm gốm, đá, khắc chữ, làm giày, lọng, nấu đường, tráng bánh, nấu rượu... Trong đó nghề dệt là một trong số nghề thủ công phát triển khá mạnh. Theo các nguồn dữ liệu: trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa, trồng bông, cán bông, kéo sợi, dệt vải... Theo phương pháp thủ công hầu như các địa phương nào trong vùng cũng có. Nhìn chung tất cả các sản phẩm thủ công ở Nam Bộ lúc bấy giờ đã trở thành những sản phẩm hàng hóa và việc mua, bán diễn ra rất thịnh vượng trên thị trường và đồng thời nhiều ngành nghề thủ công truyền thống mới cũng được hình thành và phát triển không kém do nhu cầu thực tế nảy sinh từ cuộc sống của người dân nơi vùng đất mới. Các xóm nghề hay làng nghề thủ công đã phát triển khắp mọi nơi, cả nông thôn lẫn thị tứ. Nhưng tập trung cao vẫn ở tại các phố thị và những giao lộ, bến bãi “trên bến, dưới thuyền” thuận lợi cho việc sản xuất và trao đổi sản phẩm thủ công.

Hoạt động sản xuất của các nghề thủ công ở vùng đất Nam Bộ có chiều hướng ngày càng phát triển hơn cả số lượng về ngành nghề lẫn qui mô nghề nghiệp dưới thời thuộc Pháp. Lúc này, kỹ thuật công nghệ tiên tiến của Pháp được truyền thụ và thợ thủ công Nam Bộ đã vận dụng vào một số ngành nghề hoặc vào một vài công đoạn trong quá trình sản xuất. Nhiều mặt hàng mới chất lượng cao ra đời và xuất hiện trên thị trường. Trong khi

đó các nghề thủ công đã ra đời trước trong cư dân đến lúc này lan tỏa tại những vùng nguyên liệu, vùng chuyên canh cây trồng vật nuôi có tính tập trung trên toàn Nam Bộ. Nhiều mặt hàng thủ công xuất khẩu ra nước ngoài và rất được ưa chuộng, nhiều ngành nghề đã trở nên nổi tiếng khắp trong và ngoài nước.

Dù vậy, bước phát triển của các nghề thủ công ở Nam Bộ có bị “chững lại” trong các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ I, chiến tranh thế giới lần thứ II và trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, dẫn đến hệ quả là nhiều nghề thủ công cổ truyền đã lưu truyền trong các vùng nông thôn dần hồi mai một, mất dần vị trí và vai trò vốn có của nó.

Dưới tác động của cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước có tính khốc liệt, liên tục, kéo dài và đối với nền kinh tế miền Nam lúc này hoàn toàn lệ thuộc vào viện trợ bên ngoài nên hoạt động kinh tế nói chung và sản xuất của các nghề thủ công nói riêng ở Nam bộ có chiều hướng giảm sút và ỏ vào thế bất ổn định. Trong khi đó, biến động dân số trong thời gian này đã diễn ra gần như liên tục. Các luồng di dân từ nông thôn chuyển đến thành thị lớn nhỏ trong vùng Nam Bộ ngày càng nhiều, trong đó có bộ phận không nhỏ là thợ thủ công. Do đó, ngoài những khó khăn trong sản xuất của các nghề thủ công vì thiếu nguyên liệu hoặc bị hạn chế bởi thị trường

tiêu thụ hoặc không thể cạnh tranh với các loại hàng hóa công nghiệp ngoại nhập, thì cơ cấu ngành nghề cũng đã có sự chuyển dịch, thay đổi vị trí vốn có của nó trong nông thôn, mạng lưới thủ công nghiệp lúc này lại tập trung cao ở các thị tứ, thị xã, thành phố. Ngoài các khu kỹ nghệ tập trung, các nghề thủ công vẫn hoạt động khá nhộn nhịp tại các khu dân cư đô thị và ở những vùng ven các thành thị lớn nhỏ của Nam Bộ.

Một thực tế là sự chuyển cư của người Việt từ miền Bắc và miền Trung vào Nam Bộ trong giai đoạn này cũng góp phần làm hình thành một số nghề thủ công có phong cách riêng biệt, đặc thù như: đóng giường, chõng, bàn ghế... bằng tre, trúc, tầm vông...

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng cho đến nay, nền kinh tế cả nước nói chung cũng như ở Nam Bộ nói riêng được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Việc khai thác và đầu tư đúng mức, khoa học ở các lĩnh vực đã tạo thuận lợi cho nhiều nghề thủ công, truyền thống được phục hồi và phát triển trở lại. Mạng lưới hoạt động của các nghề thủ công ở đây đã nảy nở, lan tỏa trong các cộng đồng cư dân, của mỗi nhóm tộc người. Các nghệ nhân thủ công cũng không ngừng tìm tòi, sáng tạo, cải tiến công cụ, kỹ thuật sản xuất, đổi mới mẫu mã sản phẩm mở rộng quy mô hoạt động nghề nghiệp. Máy móc công nghệ hiện đại được đưa vào lần hồi thay thế hoàn

toàn hoặc một số khâu trong quy trình sản xuất của một số nghề (như gốm, làm gạch, ép mía đường, cửa xẻ gỗ...) nhằm tăng năng suất lao động, tạo ra hàng loạt sản phẩm có kích cỡ, mẫu mã giống nhau, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Thế nhưng tính độc đáo, đa dạng của các sản phẩm thủ công vẫn được thể hiện thông qua “bí quyết” nghề nghiệp “cha truyền con nối” bằng bàn tay khéo léo, điều luyện chăm chút ở mỗi sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các nghệ nhân tại mỗi xóm, làng, hay phường nghề nhất định. Ở đó, các sản phẩm thủ công nổi tiếng, nhiều người biết đến thường được gắn với tên địa danh, nơi đã và đang sản sinh ra chúng.

2. Một số đặc điểm của nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ

So với nhiều vùng, miền khác trong cả nước, vùng đất Nam Bộ cho đến nay không có những nghề truyền thống có hàng năm sáu trăm năm hoặc hàng nghìn năm lịch sử như ở Bắc Bộ. Điều này cũng dễ hiểu vì Nam Bộ được coi là vùng đất mới. Dù vậy, nghề thủ công và làng nghề hay xóm nghề truyền thống nơi đây cũng đã xuất hiện khá sớm, đồng thời với sự định cư của người dân trên vùng đất mới. Hoạt động thủ công với làng nghề, xóm nghề truyền thống đã nhanh chóng dần trải trên

gần khắp các vùng đất Nam Bộ, nơi người Việt chiếm đa số trong cư dân hay nơi các dân tộc ít người như Khơme, Chăm, Hoa, ...

Trong tiến trình lịch sử các nghề thủ công truyền thống ở nhiều địa phương trên vùng đất Nam Bộ, ngay từ buổi đầu khẩn hoang lập nghiệp cho đến nay hơn ba trăm năm, cư dân vùng đất này đã sống trong môi trường văn hóa của nghề thủ công truyền thống, trong đó có những nghề được lưu truyền từ miền Bắc, miền Trung. Nghề thủ công nơi đây mang sắc thái văn hóa đặc trưng, nó hình thành và phát triển theo điều kiện địa lý môi sinh, theo các yếu tố và hoàn cảnh kinh tế, xã hội đặc biệt, có lúc “thăng”, lúc “trầm” và khá nhạy cảm theo diễn biến kinh tế, chính trị, xã hội... tại vùng đất này. Một thực tế hiển nhiên là gần ba thế kỷ qua, nhìn chung nghề thủ công truyền thống ở vùng đất này đã đi vào con đường kinh tế sản xuất hàng hóa dưới nhiều tổ chức, quy mô khác nhau. Nghề thủ công truyền thống tồn tại dưới dạng xóm nghề, làng nghề, thậm chí vùng nghề bởi nó mang tính tiêu biểu cho khu vực rộng chứ không phải giới hạn trong phạm vi một làng, một xã. Do đó, việc tìm hiểu về nghề truyền thống của cư dân nơi đây sẽ góp phần nghiên cứu những vấn đề không chỉ về lịch sử, văn hóa mà cả các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội qua từng giai đoạn lịch sử.

Ở Nam Bộ, đa số các nghề thủ công sử dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công gần như tại chỗ. Không ít ngành thủ công được các lưu dân mang từ quê ở phía Bắc hay Trung và phát triển tại Nam Bộ, nhưng cũng đã mang một sắc thái riêng do các nguồn nguyên liệu được tìm thấy tại chỗ. Cũng không ít nghề thủ công, nhờ nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú, nhờ kỹ thuật được tích lũy từ lâu đời tại các làng nghề gốc đã sớm phát triển trên quy mô ngày càng rộng lớn về địa bàn, về số nhân công, về số sản phẩm và về thị trường tiêu thụ. Nhưng cũng không ít nghề chỉ thu hẹp trong phạm vi không vượt quá ranh giới của làng, xã hay tỉnh. Mức độ khác nhau trong quy mô phát triển của ngành thủ công có thể được coi là một trong những đặc điểm của hoạt động sản xuất, trước tiên nhằm thỏa mãn các nhu cầu bức thiết của người dân tại chỗ.

Sản phẩm của ngành thủ công và của các xóm nghề truyền thống ở Nam Bộ khá đa dạng như những nhu cầu của người dân tại đây. Có những sản phẩm nhằm phục vụ cuộc sống thường ngày của người dân, phục vụ cái ăn, cái mặc, cái ở, đồ dùng trong nhà, dụng cụ lao động, phương tiện di chuyển, chuyên chở... Ngành thủ công ở đây cũng nhằm sản xuất ra những mặt hàng để trang trí nhà cửa, thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp...

Ngoài các sản phẩm phục vụ cuộc sống thường ngày của người dân, ngành thủ công còn sản xuất các sản phẩm để phục vụ việc cử hành các nghi lễ, việc cúng bái trong tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người Nam Bộ.

Nghề thủ công tại Nam Bộ, cùng với nông nghiệp là hai hoạt động kinh tế chủ yếu, gắn chặt và bổ túc cho nhau, trong một giai đoạn phát triển nhất định của Nam Bộ, góp phần không nhỏ vào việc giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận cư dân, đặc biệt là người dân sống ở nông thôn. Ngoài ra, nó còn có ý nghĩa trong việc thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp, góp phần làm ổn định cuộc sống xã hội, nâng cao đời sống và trình độ văn hóa của người dân tại vùng đất mới.

Nghề thủ công và làng nghề, xóm nghề truyền thống vốn là sản phẩm và cũng là một trong những nét đặc trưng của nghề thủ công tại Nam Bộ vẫn giữ được những nét truyền thống của nghề này, như việc tuân giữ các điều kiêng kỵ, các ngày lễ cúng, nhất là việc cúng Tổ. Thợ thủ công cúng Tổ để bày tỏ lòng biết ơn, để nhìn nhận sự ràng buộc với người sáng lập ra ngành nghề và do đó, đặt mình vào một “truyền thống” chuyển tải không chỉ những kỹ thuật, lý thuyết làm nghề mà cả những đòi hỏi, tiêu chuẩn đạo đức, văn hóa gắn liền với nghề. Người thợ thủ công cúng vái trời trong các nghi lễ

được tổ chức hàng năm để cầu sự bình an, suôn sẻ trong công việc, nhưng không ngồi chờ ơn trời ban xuống như phép lạ mà vẫn cần cù lao động tận lực, vẫn vận dụng tối đa tài năng, sự khéo léo của mình để sản phẩm mình làm ra được đẹp, bền, có thể thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng.

Hoạt động thủ công truyền thống tại Nam Bộ, cũng như tại các nơi khác là biểu hiện rõ nét nhất năng lực sáng tạo của con người. Người dân Nam Bộ tuy sống trong một môi trường thiên nhiên vẫn được coi là phong phú, nhưng vẫn tìm cách để khắc phục thiên nhiên, mở rộng khả năng của mình và hoạt động thủ công đã chứng tỏ con người có thể thể hiện được năng lực sáng tạo của mình. Nhưng đồng thời một số nghề thủ công tại Nam Bộ cũng như tại các nơi khác thường có hiện tượng mai một, hay nói cách khác, mang tính giai đoạn. Nhu cầu trong mọi lĩnh vực của xã hội và của con người không ngừng phát triển. Dụng cụ lao động của con người không ngừng được cải tiến. Con người trong quá trình lao động luôn tìm cách khám phá để sản xuất ra nhiều mặt hàng phục vụ đời sống con người thật dồi dào, đa dạng và tiện lợi. Sự khéo tay của người thợ thủ công chăm chút cho từng sản phẩm và mỗi sản phẩm là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo, giờ đây đã được thay thế bởi các khuôn đúc làm ra hàng trăm, hàng ngàn sản phẩm giống nhau.

Những bí quyết xưa nay được giữ kín và lưu truyền theo kiểu cha truyền con nối thì ngày nay đa số đã được giảng dạy và phổ biến một cách rộng rãi tại các trường đào tạo hay huấn nghiệp, hay ngay tại xưởng làm... Không ít nghề thủ công đã được cơ giới hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cụ thể một cách nhanh chóng nhờ lớp thợ, lớp người quản lý đã quen với công việc sản xuất, nhờ kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình hoạt động thủ công mỹ nghệ. Việc sản xuất tiếp tục theo con đường phát triển của nghề thủ công trong trường hợp này có thể được xem là một giai đoạn của quá trình phát triển lâu dài.

Không phải tất cả các nghề thủ công tại Nam Bộ đều gặp được sự may mắn của việc chuyển mình này. Không ít ngành nghề phải lao đao, chao đảo trong cơn lũ các sản phẩm của nền đại công nghiệp tràn tới tận hang cùng ngõ hẻm do các điều kiện và phương tiện giao thông không ngừng được phát triển. Nhiều xóm nghề đã tan rã, nhiều “lò” đã phải đóng cửa, nhiều thợ thủ công và cả nghệ nhân đã phải bỏ nghề. Trong những trường hợp này, nghề thủ công quả là không có tương lai.

Một đặc điểm khác nữa là nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ không phải chỉ có tính giai đoạn, chuyển tiếp hay nhất thời mà còn có lý do tồn tại vì chính tính chất của nó. Thợ thủ công không chỉ là những

người thợ sản xuất, mà còn là những nghệ nhân, không chỉ sản xuất ra những sản phẩm tiêu dùng mà còn sản xuất ra những sản phẩm đẹp, nghệ thuật. Có những sản phẩm của tiểu thủ công nghiệp không chỉ là sản phẩm “máy móc” mà còn chứa đựng và bộc lộ tài khéo léo, óc thẩm mỹ, sự cần cù, tỉ mỉ và nhiều khi cả quan niệm sống, sự nhạy cảm của nghệ nhân.

Nam Bộ là vùng kinh tế có xu hướng ngày càng mở rộng hơn trong lưu thông hàng hóa trên toàn vùng cũng như trong cả nước và với nước ngoài. Các nghề thủ công đã được hình thành ngay từ những ngày đầu khai mở đất đai và phát triển đến nay cũng không nằm ngoài xu hướng ấy. Sự đa dạng về đặc điểm tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn ở Nam Bộ đã góp phần kiến tạo một diện mạo văn hóa vùng, trong đó có diện mạo văn hóa của các nghề thủ công truyền thống độc đáo cần được bảo tồn và phát huy.

Chương II

THẠNH PHÚ VỚI NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

I. ĐẶC ĐIỂM – TÌNH HÌNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

1. Biên Hòa – Đồng Nai: vùng đất của nghề truyền thống

Lịch sử hơn ba trăm năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đồng thời cũng là lịch sử hơn ba trăm năm hình thành và phát triển các nghề thủ công truyền thống. Là vùng đất địa đầu trong công cuộc khẩn hoang của lưu dân Ngũ Quảng trong hành trình khai mở vùng đất phương Nam, song hành cùng nghề nông truyền thống, rất nhiều nghề và làng nghề, xóm nghề thủ công được hình thành và phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò tích cực, quan trọng trong nền

kinh tế sản xuất hàng hóa, cũng như góp phần không nhỏ trong việc tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo, đặc thù, tiêu biểu của vùng đất, con người Đồng Nai.

Các nguồn thư tịch cổ như *Gia Định Thành Thông Chí*, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *Phủ Biên Tạp Lục*... nhiều lần đề cập đến các nghề thủ công truyền thống của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai thời bấy giờ. Điều kiện thuận lợi của thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất của ngành nghề thủ công nơi đây phát triển thịnh vượng.

Vào buổi đầu lập nghiệp, cư dân nơi đây thường lựa chọn, khai thác cái sẵn có của thiên nhiên làm nguyên liệu cần thiết để sản xuất các nghề thủ công cổ truyền, tạo ra nhiều loại sản phẩm quen thuộc dùng trong đời sống.

Việc mở rộng, khai thác đất đai bằng nhiều hình thức đã tạo điều kiện cho nghề nông phát triển ở vùng đất Biên Hòa. Những người dân làm nông nghiệp nơi đây mang theo những tập quán canh tác của quê gốc và vận dụng một cách linh hoạt trên vùng đất mới. Tuy canh tác với phương thức thô sơ nhưng năng suất thu hoạch khá cao. Bên cạnh việc trồng lúa, người dân còn trồng thêm các loại hoa màu khác để hỗ trợ cho lương thực chính và dùng vào nhu cầu chăn nuôi. Cùng với các địa phương khác ở Nam Bộ, vùng đất Biên Hòa đã góp

phần làm nên một “vựa lúa lớn xứ Đàng Trong” và trở thành một trong những trung tâm kinh tế của vùng đất mới.

Sự phát triển của nghề nông, sản xuất ra nhiều loại nông sản là cơ sở thúc đẩy hình thành ở Biên Hòa nhiều nghề chế biến lương thực thực phẩm như: làm bánh kẹo, nấu rượu, làm bún, tráng bánh, ép dầu phụng, nấu đường... vừa mang tính phổ biến, vừa mang dấu ấn của sắc thái địa phương và văn hóa truyền thống của tộc người.

Bên cạnh hoạt động canh tác nông nghiệp, nhiều ngành nghề thủ công truyền thống cũng ra đời và phát triển. Thiết Sơn (núi sắt) thuộc trấn Biên Hòa dưới thời nhà Nguyễn là nơi “Người làm sắt tụ tập mở lò thổi nấu, cung nạp thuế sắt, quặng sắt”⁽²⁾ và “rèn đúc đồ dùng rất được tiện lợi”⁽³⁾. Nghề đúc đồng ở Biên Hòa đã sản xuất ra nhiều loại nồi chảo, lư hương, chân đèn, chuông, hộp đựng trầu... rất phong phú và sắc sảo. Theo Trịnh Hoài Đức, Cù lao Tân Chánh (Biên Hòa) là nơi nổi tiếng về trồng dâu. Trấn Biên Hòa “núi đẹp sông trong, phong

² *Gia Định Thành Thông Chí* – Trịnh Hoài Đức – Tập thượng – Sài Gòn, 1972, tr.16.

³ *Đại Nam Nhất Thống Chí* – Quốc sử quán triều Nguyễn – Tập thượng – Sài Gòn, 1973, tr.18.

tục thuần hậu, công việc giản dị, nhân dân siêng cày cấy, dệt củi đều có sản nghiệp” ⁽⁴⁾.

Đặc biệt Biên Hòa có mặt hàng lãnh đen nổi tiếng. “*Lãnh đen (hắc lang) mềm láng thuộc loại tốt nhất trong cả nước bấy giờ chỉ có ở huyện Phước An thuộc trấn Biên Hòa*” ⁽⁵⁾. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* cho biết: mía ở huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa rất nổi tiếng. Mía ở đây ít mật nên dùng làm đường trắng. Phước Khánh trở thành trung tâm sản xuất đường cát ở Nam Bộ với sản lượng khá lớn. Nghề mộc hầu như phổ biến ở các địa phương do nhu cầu xây cất nhà cửa, chế tạo đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, trang trí đình chùa... Với nguồn nguyên liệu rừng phong phú, nhiều loại gỗ quý rất thuận lợi cho việc khai thác gỗ làm nhà cửa và đóng thuyền phát triển. Ngoài ra còn có rất nhiều nghề truyền thống khác nổi tiếng trong vùng như: trồng cau và chế biến trầu cau ở Long Thành; trồng trầu, trồng bưởi ở Tân Triều, đóng xe bò, xay xát lúa gạo, làm gạch ngói, đúc gang, rèn, nhuộm vải, dệt chiếu đệm, làm đồ thủ công mỹ nghệ...

⁴ *Gia Định Thành Thông Chí* -Trịnh Hoài Đức – Tập thượng – Sài Gòn, 1972, tr.12.

⁵ *Gia Định Thành Thông Chí* -Trịnh Hoài Đức – Tập thượng – Sài Gòn, 1972, tr.20.

Đặc biệt, nói đến nghề thủ công truyền thống ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai không thể không nói đến nghề làm gốm và làm đá đã từng có những bước thăng trầm với vùng đất này và cho đến nay vẫn không ngừng cải biến, thích nghi với tình hình mới để phát triển. Làm gốm là nghề thủ công truyền thống ra đời sớm ở Biên Hòa. Nó có nguồn gốc lâu đời nhưng mãi đến khi lưu dân Việt, Hoa khai khẩn vùng đất này, nó dần có vị thế của mình. Nghề gốm ở Biên Hòa mang những yếu tố đặc điểm Việt, Hoa và cả dân tộc bản địa. Nó là sự kế thừa, phát huy và quan hệ qua lại với nhau. Sản phẩm của gốm Biên Hòa đã vượt ra khỏi phạm vi ranh giới lãnh thổ, trở thành mặt hàng xuất khẩu bên cạnh các loại thổ sản, nông sản khác. Nghề gốm Biên Hòa từ dân dã đi đến chính quy với sự chuyển giao kỹ thuật công nghệ là một bước tiến lớn. Từ đây, nghề gốm lại càng phát triển với sự uyển chuyển, linh hoạt trong những điều kiện khác nhau, đáp ứng được những yêu cầu bằng các sản phẩm dân dụng, mỹ thuật, công nghiệp.

Nghề khai thác và chế tác đá ở Biên Hòa là một trong những nghề ra đời sớm và phát triển khá mạnh với nguồn nguyên liệu tại chỗ vô cùng phong phú. Nghề làm đá đã đáp ứng được những nhu cầu của cuộc sống từ xây dựng đến trang trí, từ công dụng đến mỹ thuật... với nhiều loại sản phẩm đa dạng, phong phú. Trên hết, cái